

Bản án: **01** /2021/DS- ST

Ngày 09/3/ 2021

V/v *Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG – TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân : 1/ Ông Nguyễn Ngọc Ngát; 2/ Bà Nguyễn Thị Bắc

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thế Thiện – Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Động.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Minh Đức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 50/2020/TLST- DS, ngày 05/11/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXX – ST, ngày 02 tháng 01 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2021/QĐST- DS ngày 22/02/2021, giữa:

**\* Nguyên đơn:** Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V (viết tắt: Agribank), do ông Nguyễn Quốc H – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Agribank Chi nhánh tại huyện S, tỉnh Bắc Giang II là người đại diện theo ủy quyền; Có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố số 3, thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

**\* Bị đơn:** Anh Dương Văn H, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn G, xã V, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

**\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Dương Văn N, sinh năm 1960
2. Bà Lưu Thị K, sinh năm 1961
3. Anh Dương Văn H1, sinh năm 1991
4. Chị Dương Thị X, sinh năm 1989
5. Chị Dương Thị H2, sinh năm 1993

Đều địa chỉ: Thôn G, xã V, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

6. Ông Nguyễn Đình C, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Thôn X, xã X, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn G, xã V, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

(Bị đơn anh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông N, bà K, anh H1, chị X và chị H2 vắng mặt không có lý do; ông T có đơn xin xét xử vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

**1.** Trong đơn khởi kiện ngày 27/10 /2020, các lời khai tiếp theo tại Tòa án và tại phiên tòa ông Nguyễn Quốc H trình bày:

Ngày 03/8/2016 Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V (Agribank) Chi nhánh huyện S có ký kết hợp đồng tín dụng số 2509LA2016 02021 với anh Dương Văn H ở thôn G, xã V, số tiền cho vay theo hợp đồng là 120.000.000đ, mục đích sử dụng là sản xuất phục vụ đời sống gia đình, lãi suất 9,8%/năm, lãi suất quá hạn 14,7%/năm, thời hạn vay là 36 tháng.

Tài sản thế chấp: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2509LCL 201500239 ngày 10/7/2015, tài sản là 01 thửa đất thổ cư, diện tích 750m<sup>2</sup>, không có số lô thửa tại thôn G, xã V, huyện S; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q014613 do UBND huyện Sơn Động cấp ngày 29/8/2002 mang tên Hộ ông Dương Văn N. Hợp đồng thế chấp tài sản đã được ông Dương Văn N và bà Lưu Thị K là hai thành viên trong hộ gia đình ký, ngoài ra ông Dương Văn N là người đại diện gia đình ký giấy ủy quyền cho anh Dương Văn H đứng ra thế chấp tài sản tại Ngân hàng Agribank để vay tiền.

Tổng số tiền anh H còn nợ gốc và lãi phải trả tính đến ngày 09/3/2021 như sau: Tiền nợ gốc anh H đã trả được 5.000.000đ, nay còn nợ 115.000.000đ; tiền lãi trong hạn 33.782.778 + lãi quá hạn 28.930.417đ = 62.713.194, anh H đã trả được tiền lãi là 12.847.527đ; nay tiền lãi còn phải trả là 49.865.667đ. Tổng tiền gốc + lãi phải trả là 164.865.667đ.

Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết, buộc anh Dương Văn H phải trả số tiền gốc và lãi tính đến ngày 09/3/2021 là: 164.865.667đ và tiền lãi thời gian tiếp theo. Nếu anh Dương Văn H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng yêu cầu được xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định pháp luật. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm đã thế chấp không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu của anh Dương Văn H để thu hồi nợ theo quy định pháp luật. Ngoài ra không có ý kiến hoặc yêu cầu gì khác.

Đối với tài sản là cây bưởi của ông Nguyễn Đình C trồng trên diện tích đất anh H đã thế chấp cho Ngân hàng, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**2.** Bị đơn anh Dương Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn N, bà Lưu Thị K, anh Dương Văn H1, chị Dương Thị X và chị Dương Thị H2 vắng mặt tại nơi cư trú, nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh H, ông N, bà K, anh H1, chị X và chị H2. Do đó, Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt anh H, ông N, bà K, anh H1, chị X và chị H2 theo quy định của pháp luật.

3. Lời khai của ông Nguyễn Quang T là người đại diện hợp pháp do ông Nguyễn Đình C ủy quyền:

Năm 2017 gia đình ông Dương Văn N có bán chuyển nhượng cho ông Nguyễn Đình C 01 lô đất lâm nghiệp, diện tích 0,7ha, sau khi mua xong ông C đã làm thủ tục và đã được UBND huyện Sơn Động cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình mua bán đất gia đình ông N chỉ không rõ ràng và do diện tích đất ở còn lại của gia đình ông N nhỏ (750m<sup>2</sup>) nằm gần diện tích đất mua bán nên ông C đã cho người trồng 28 cây bưởi vào diện tích đất ông N đã thế chấp cho Ngân hàng.

Nay Tòa án giải quyết vụ án có liên quan đến tài sản ông C trồng trên diện tích đất mà gia đình ông N đã thế chấp cho Ngân hàng, ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông C sẽ tự thương lượng giải quyết với Ngân hàng khi bán thanh lý tài sản.

Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

\* Tại phiên tòa Đại diện của Viện kiểm sát phát biểu về tố tụng và quan điểm việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn và ông Chu kể từ khi thụ lý vụ án cho đến kết thúc phần tranh luận chuyển vào nghị án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, ông C thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông N, bà K, anh H1, chị X và chị H2 cố tình vắng mặt, không chấp hành là vi phạm về nghĩa vụ.

Về giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 122, Điều 131; Khoản 2 Điều 212; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 14 Thông tư 02/2015/TT-BTNMT, ngày 27/01/2015 của Bộ tài nguyên và môi trường; Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc anh Dung Văn H phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V số tiền là 164.865.667đ đồng. Trong đó:

- Tiền gốc là: 115.000.000 đồng;
- Tiền lãi: 49.865.667đ đồng;

Kể từ ngày 10/3/2021, anh H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

+ Tuyên bố hợp Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2509/LCL 2015 00239 là vô hiệu. Không chấp nhận yêu cầu được xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ của nguyên đơn. Ngân hàng trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q014613 do UBND huyện Sơn Động cấp ngày 29/8/2002 mang tên hộ ông Dương Văn N cho hộ ông N.

+ Về án phí: Anh Dương Văn H phải chịu 8.243.200đ đồng (đã làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

+ Về chi phí tố tụng khác: Buộc anh Dương Văn H phải chịu 1.500.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do phía nguyên đơn đã nộp chi phí trên nên buộc bị đơn ông Dương Văn H phải trả lại cho Ngân hàng toàn bộ chi phí mà Ngân hàng đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### ***[1] Về tố tụng:***

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V ủy quyền cho ông Nguyễn Quốc H – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Agribank Chi nhánh tại huyện S, tỉnh Bắc Giang II là người khởi kiện và tham gia tố tụng, Quyết định số 509/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V là đúng theo quy định tại Điều 138 của Bộ luật Dân sự, cần được chấp nhận.

Bị đơn anh Dương Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn N, bà Lưu Thị K, anh Dương Văn H1, chị Dương Thị X và chị Dương Thị H2 vắng mặt tại nơi cư trú, Tòa án đã tiến hành thông báo trên đài, báo Trung ương và niêm yết các thông báo công khai tại nơi cư trú. Do anh H, ông N, bà K, anh H1, chị X và chị H2 cố tình vắng mặt, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt ông T, anh H, ông N, bà K, anh H1, chị X và chị H2 theo khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án anh H, ông N, bà K, anh H1, chị X và chị 2 vắng mặt, căn cứ Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án.

***[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*** Ngân hàng khởi kiện anh Dương Văn H về tiền cho vay có yêu cầu tính lãi, mục đích của anh H vay tiền là để phục vụ sản xuất đời sống gia đình. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động.

### **[3] Về nội dung vụ án:**

3.1. Ông Nguyễn Quốc H – Giám đốc Ngân hàng Agribank – Chi nhánh huyện S, tỉnh Bắc Giang là người đại diện theo ủy quyền khởi kiện anh Dương Văn H, do anh H thực hiện không đúng hợp đồng nên Ngân hàng yêu cầu anh H phải trả tiền gốc + lãi và xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Anh Dương Văn H vi phạm cam kết trả nợ nên Ngân hàng có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết theo luật định theo Điều 35 và Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự,.

#### **3.2. Xét hợp đồng tín dụng:**

Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như sau: Ngày 03/8/2016 Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V (Agribank) Chi nhánh huyện S có ký kết hợp đồng số 2509LA201602021 với anh Dương Văn H, cho anh H vay số tiền là 120.000.000đ, lãi suất 9,8%/năm, lãi suất quá hạn bằng 14,7%/năm, thời hạn vay là 36 tháng.

Mục đích vay anh Hưng vay về để sản xuất phục vụ đời sống gia đình, hai bên đều hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức hợp đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, công nhận hợp đồng tín dụng được lập giữa anh Dương Văn H và Ngân hàng A – Chi nhánh huyện S là hợp pháp.

Quá trình thực hiện hợp đồng anh H đã vi phạm về nghĩa vụ thanh toán khi đến hạn trả nợ, anh Hưng còn nợ tiền Ngân hàng A Chi nhánh tại huyện S, tỉnh Bắc Giang II như sau: Tiền anh H vay 120.000.000đ, anh H đã trả được 5.000.000đ, số còn phải trả là 115.000.000đ. Tiền lãi tính đến ngày 09/3/2021, lãi trong hạn 33.782.778 + lãi quá hạn 28.930.417đ = 62.713.194, anh H đã trả được 12.847.527đ, số tiền lãi còn phải trả là 49.865.667đ; tổng tiền gốc + lãi phải trả là 164.865.667đ. Do anh H vi phạm về nghĩa vụ trả nợ nên anh H phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tiền gốc + lãi và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong nợ, theo quy định tại Điều 30, 35, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự.

#### **3.3. Xét hợp đồng thế chấp tài sản:**

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2509LCL 2015 00239 giữa anh H với Ngân hàng, tài sản gồm 01 thửa đất thổ cư, diện tích 750m<sup>2</sup>, không có số lô thửa tại thôn G, xã V, huyện S; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q014613 do UBND huyện S cấp ngày 29/8/2002 mang tên Hộ ông Dương Văn N. Hợp đồng thế chấp tài sản đã được ông Dương Văn N và bà Lưu Thị K là hai thành viên trong hộ gia đình ký vào hợp đồng, ngoài ra ông Dương Văn N là người đại diện gia đình đã ký giấy ủy quyền cho anh Dương Văn H được đứng ra thế chấp tài sản tại Ngân hàng A để vay tiền.

Về nguồn gốc đất thế chấp qua các tài liệu thu thập thì thấy: Đất là do nhà nước giao cho hộ gia đình ông Dương Văn N không thu tiền và đã được cấp giấy chứng nhận ngày 29/8/2002, tại thời điểm giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thành viên trong hộ gia đình ông N gồm có ông Dương Văn N, bà Lưu Thị K, anh Dương Văn H, anh Dương Văn H1, chị Dương Thị

X và chị Dương Thị H2; như vậy, xác định thửa đất thổ cư, diện tích 750m<sup>2</sup>, không có số lô thửa tại thôn G, xã V, huyện S, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q014613 ngày 29/8/2002 mang tên Hộ ông Dương Văn N là của chung các thành viên trong hộ gia đình ông N.

Việc thế chấp tài sản để đảm bảo khoản vay chỉ được một mình ông Dương Văn N ký giấy ủy quyền cho anh Dương Văn H thế chấp, không được các đồng chủ sở hữu về tài sản là bà Lưu Thị K, anh Dương Văn H1, chị Dương Thị X và chị Dương Thị H2 ủy quyền cho anh Hưng thế chấp là không đúng quy định theo Điều 212 và 317 của Bộ luật Dân sự và Điều 14 Thông tư số 02/2015/BTN-MT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, nên yêu cầu về xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng A không được chấp nhận.

Đối với tài sản trên đất: Số cây bưởi ông C trồng trên diện tích đất mà anh H đã thế chấp cho Ngân hàng; ông C và bên Ngân hàng nhất trí tự giải quyết thương lượng với nhau, ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

#### ***[4] Về án phí và chi phí tố tụng:***

Anh Dương Văn H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Anh Dương Văn H là người dân tộc thiểu số (Tày) thường xuyên sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn thuộc diện được miễn án phí, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh H vắng mặt, không có đơn xin miễn án phí DSST, nên anh H không được miễn án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng A – Chi nhánh huyện S, tỉnh Bắc Giang II số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Tiền chi phí xem xét, thẩm định hết 1.500.000đ do bên Ngân hàng đã nộp, bị đơn anh H phải chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, số tiền anh Dương Văn H nộp trả lại cho Ngân hàng A.

Đối với số tiền 3.500.000đ chi phí phát thông báo trên báo, đài tìm kiếm người vắng mặt trong vụ án bên Ngân hàng nộp, Ngân hàng A xin tự chịu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên :

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng các Điều 30, 35, 144, 147, 186, 227, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 320, 323, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng Ngân hàng năm 2010; Điều 14 Thông tư số 02/2015/BTN-MT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ – UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

**[1].** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc anh Dương Văn H phải trả cho Ngân hàng A số tiền gốc là 115.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 09/3/2021 là 49.865.667đ. Tổng cả tiền gốc + tiền lãi là:

164.865.667đ (Một trăm sáu tư triệu, tám trăm sáu lăm nghìn, sáu trăm sáu bảy đồng).

[2]. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng A về xử lý tài sản thế chấp, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2509LCL 201500239, đối với diện tích đất 750m<sup>2</sup>, không có số lô thửa tại thôn G, xã V, huyện S, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q014613 do UBND huyện S cấp ngày 29/8/2002 mang tên Hộ ông Dương Văn N.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Dương Văn H còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất ông Dương Văn H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[3]. Về án phí và các khoản chi phí tố tụng:

- Về án phí: Anh Dương Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 8.243.200đ.

Hoàn trả cho Ngân hàng A – Chi nhánh huyện S, tỉnh Bắc Giang II số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 3.960.000đ, theo biên lai số: AA/2010/ 007258 ngày 28/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.

- Về chi phí tố tụng: Bị đơn anh H phải chịu toàn bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: 1.500.000đ, số tiền anh Dương Văn H nộp trả cho Ngân hàng A.

Án xử sơ thẩm công khai. Báo cho các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Sơn Động;
- Chi cục THADS huyện Sơn Động;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, AV.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Văn Toàn**

